

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HÀ DIỆP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HÀ DIỆP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA DIEP TRADING AND SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HA DIEP TRADING AND SERVICES CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110686871

3. Ngày thành lập: 16/04/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 37A, Ngách 37, Ngõ 20 Hồ Tùng Mậu, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912897383

Fax:

Email: Tmdv.hadiep@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4511
6.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4513
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4530
8.	Bán mô tô, xe máy (trừ đầu giá)	4541
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ đầu giá)	4543
10.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa (trừ đầu giá)	4610
11.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
12.	Bán buôn thực phẩm	4632

13.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Tivi, máy giặt, tủ lạnh, lò vi sóng, máy hút bụi, bếp từ, máy hút mùi, bình nóng lạnh, máy lọc không khí, máy hút ẩm, máy tạo độ ẩm, phin lọc, điều hòa treo tường dân dụng, điều hòa thương mại cục bộ	4649
14.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
15.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652(Chính)
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
17.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng miếng)	4662
18.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
19.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
20.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
21.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng mà công ty kinh doanh	8299
22.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động của các tổ chức Đảng, đoàn thể; Dạy về tôn giáo)(trừ hoạt động của các tổ chức Đảng, đoàn thể; Dạy về tôn giáo)	8559
23.	Hoạt động y tế dự phòng	8691
24.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
25.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình Chi tiết: Dịch vụ lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa điều hòa	9522
26.	Lập trình máy vi tính	6201
27.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
28.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
29.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
30.	Cổng thông tin	6312
31.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (trừ dịch vụ cắt xét báo chí)	6399
32.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
33.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản	6820
34.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
35.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120

36.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hối phiếu và thông tin tỷ lệ lượng và Tư vấn chứng khoán)	7490
37.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
38.	Sản xuất hoá chất cơ bản (Không thực hiện tại trụ sở)	2011
39.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu (Không thực hiện tại trụ sở)	2029
40.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác (Không thực hiện tại trụ sở)	2393
41.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
42.	Sản xuất linh kiện điện tử (Không thực hiện tại trụ sở)	2610
43.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính (Không thực hiện tại trụ sở)	2620
44.	Sản xuất thiết bị truyền thông (Không thực hiện tại trụ sở)	2630
45.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng (Không thực hiện tại trụ sở)	2640
46.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển (Không thực hiện tại trụ sở)	2651
47.	Sản xuất đồng hồ (Không thực hiện tại trụ sở)	2652
48.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp (Không thực hiện tại trụ sở)	2660
49.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học (Không thực hiện tại trụ sở)	2670
50.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học (Không thực hiện tại trụ sở)	2680
51.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện (Không thực hiện tại trụ sở)	2710
52.	Sản xuất pin và ắc quy (Không thực hiện tại trụ sở)	2720
53.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học (Không thực hiện tại trụ sở)	2731
54.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác (Không thực hiện tại trụ sở)	2732
55.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại (Không thực hiện tại trụ sở)	2733
56.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng (Không thực hiện tại trụ sở)	2740

57.	Sản xuất đồ điện dân dụng (Không thực hiện tại trụ sở)	2750
58.	Sản xuất thiết bị điện khác (Không thực hiện tại trụ sở)	2790
59.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy) (Không thực hiện tại trụ sở)	2811
60.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu (Không thực hiện tại trụ sở)	2812
61.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác (Không thực hiện tại trụ sở)	2813
62.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động (Không thực hiện tại trụ sở)	2814
63.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung (Không thực hiện tại trụ sở)	2815
64.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp (Không thực hiện tại trụ sở)	2816
65.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính) (Không thực hiện tại trụ sở)	2817
66.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén (Không thực hiện tại trụ sở)	2818
67.	Sản xuất máy thông dụng khác (Không thực hiện tại trụ sở)	2819
68.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đấu giá)	4791
69.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
70.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
71.	Bốc xếp hàng hóa	5224
72.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
73.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
74.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
75.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
76.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
77.	Xuất bản phần mềm	5820
78.	Hoạt động viễn thông khác	6190
79.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
80.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ hoạt động của các Trung tâm dịch vụ việc làm)	7810

81.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
82.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý lao động trong nước	7830
83.	Đại lý du lịch	7911
84.	Điều hành tua du lịch	7912
85.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
86.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
87.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
88.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
89.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
90.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
91.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
92.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
93.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
94.	Thu gom rác thải độc hại	3812
95.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
96.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
97.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
98.	Xây dựng nhà để ở	4101
99.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
100.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
101.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
102.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
103.	Phá dỡ	4311
104.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
105.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
106.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
107.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
108.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
109.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nữ*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001184040500

Địa chỉ thường trú: *Số 37A, Ngách 37, Ngõ 20 Hồ Tùng Mậu, Tổ 21, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: Số 37A, Ngách 37, Ngõ 20 Hồ Tùng Mậu, Tổ 21, Phường Mai Dịch,
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: 06/09/1984 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001184040500

Địa chỉ thường trú: *Số 37A, Ngách 37, Ngõ 20 Hồ Tùng Mậu, Tổ 21, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: Số 37A, Ngách 37, Ngõ 20 Hồ Tùng Mậu, Tổ 21, Phường Mai Dịch,
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội